

Bản án số 68/2019/HS-ST
Ngày 30-9- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối các với bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Văn T**, S năm 1988 tại xã Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị M; có vợ (đã ly hôn), 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24/02/2019 đến 05/3/2019. (Có mặt).

2. Họ và tên **D2 Văn H**, S năm 1976 tại xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn X Đông, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Thôn X X2, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D2 Văn B và bà Ngô Thị S; có vợ (đã ly hôn), 01 con; Nhân thân: Năm 2013, D2 Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 9/9/2013, bị cáo chấp hành xong việc nộp án phí HSST 200.000đ. Ngày 29/4/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền án: Tại Bản án số 74 ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 20; Điều 53; Điều 33 BLHS 1999 xử phạt D2 Văn H 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 11/4/2018, D2 Văn H chấp hành xong hình phạt tù chờ về địa phương; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/2/2019 đến nay. (Có mặt).

- Người bị hại:

+ Anh Nguyễn Hữu Đ, S năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
+ Bà Nguyễn Thị C, S năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Q, xã T2, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
+ Chị Ninh Thị T3, S năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn M2, xã Đ3, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
+ Ông Nguyễn Đình Thành, S năm 1961 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
+ Anh Nguyễn Đình S1, S năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L3, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+ Anh Đặng Văn Nguyên, S năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn P2 2, xã Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
+ Anh Triệu Văn Chín, S năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn P2 1, xã Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
+ Chị Đặng Thị S4, S năm 1974 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 4, xã L5, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh
+ Chị Lý Thị H2, S năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn P2 2, xã Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, S năm 1988, trú tại thôn V, xã Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và D2 Văn H S năm 1976, trú tại thôn X X2, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh có mối quan hệ họ hàng xa với nhau. Khoảng 06 giờ ngày 24/02/2019, Nguyễn Văn T đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, biển số 14Z1 -326.32 sang nhà D2 Văn H và bảo H cho mượn bộ vạm phá khóa xe mô tô, H đồng ý rồi đưa vạm phá khóa cho T. T không nói cho H biết là T mượn vạm phá khóa để làm gì. T cầm vạm phá khóa rồi gửi lại chiếc xe mô tô của mình ở nhà của H. Sau đó T đi xe khách từ nhà đến thị xã Sao Đỏ, tỉnh Hải D2, sau đó tiếp tục bắt xe khách từ Hải D2 đi huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với mục đích đi dọc đường xem ai có xe máy để sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đến ngã ba Chằm, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam thì T xuống xe khách rồi xe ôm của anh Trịnh Văn Dũng, S năm 1968, trú tại thôn Nhiêu Hà, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam vào chợ M4, xã P. Trên đường đi T xin số điện thoại của anh Dũng để khi cần thì liên lạc. Khi đến chợ M4, T vào chợ khoảng 20 phút sau thì gọi điện cho anh Dũng vào đón. Sau đó, T bảo anh Dũng đưa đi theo đường tỉnh 293 về hướng M4, xã P, huyện Lục Nam. Khi đi qua một đám cưới thuộc thôn Quỳnh Cả, xã P thì T bảo anh Dũng cho xuống xe, còn anh Dũng đi về. Tại đây, T thấy ở trước cửa nhà bà Đặng Thị Lý, S năm 1966, trú tại thôn Quỳnh Cả, xã P có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu trắng, biển số 98E1-298.09 của anh Nguyễn Hữu Đ, S năm 1996, trú tại thôn D, xã P đi ăn cưới để ở đây. Quan sát thấy không có người trông coi nên T nảy S ý định trộm cắp chiếc xe này. T đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô, dùng vạm phá khóa bẻ ổ

khóa điện nhưng không được. Do chiếc xe không khóa cổ, khóa càng nên T đã dắt chiếc xe vào trong ngõ gần đó rồi dùng tay cạy phần nhựa mặt nạ của xe để rút rắc điện. Trong lúc T dắt xe vào trong ngõ thì anh Nguyễn Văn Duy, S năm 1996, trú tại thôn Chăm, xã T S1 đang đứng ở cổng đám cưới nhìn thấy và nhận ra là xe của anh Đ, anh Duy đã vào đám cưới báo cho anh Đ biết. Sau đó các anh: Đ; Duy; Hoàng Đình Quý, S năm 1995, trú tại thôn Ba Gò, xã P; Đặng Tiến Ngọc, S năm 1996, trú tại thôn Đồng Đình, xã Bình S1, huyện Lục Nam và một số người khác đuổi bắt T. T rút được rắc điện xe mô tô rồi nổ máy đi ra khỏi ngõ đến cổng công ty may JMC P thì mọi người đuổi kịp và bắt giữ được Nguyễn Văn T đồng thời báo cho Công an xã P, Công an huyện Lục Nam đến hiện T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; thu giữ tang vật gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , biển số 98E1-298.09; thu trên người Nguyễn Văn T gồm: 01 bộ vạm phá khóa có 01 tay công bằng kim loại dài 15,7cm màu trắng đen, phần tay cầm bọc cao su màu đỏ đen, phía cuối có lỗ hình tròn, phầu đầu tay công hình tròn bẹt, một mặt có chốt 4 cạnh thò ra dài 0,7cm, mặt bên có chốt di động gạt sang hai bên; 01 ống lỏi bằng kim loại màu trắng, đường kính 1,2cm, được quấn bằng băng dính màu xám, một đầu bên trong có hình vuông, một đầu hình lục giác; 01 đầu vạm bằng kim loại màu xám trắng dài 06cm, một đầu hình lục giác, phần lưỡi dài 2,8cm được mài dẹt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại máy đen trắng, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng gold; số tiền 5.373.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 28/2/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu trắng tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 11.040.000đ.

Ngày 20/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Lục Nam ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , biển số 98E1-298.09 cho anh Nguyễn Hữu Đ. Ngày 23/3/2019, anh Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận ngoài hành vi phạm tội trên, trong khoảng thời gian từ 13/2/2019 đến 20/2/2019, Nguyễn Văn T cùng với D2 Văn H S năm 1976, trú tại thôn X X2, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã cùng nhau thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do đã hẹn nhau từ trước, khoảng 07 giờ ngày 14/2/2019, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 14Z1-326.32 của T ra đầu đường thôn X Đông, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh để đón D2 Văn H rồi cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi, H mang theo 01 bộ vạm phá khóa xe máy. Ban đầu, T chở H đi theo sự chỉ dẫn của H để đến địa phận huyện Lục Nam, trên đường đi H đổi lái và đưa bộ vạm phá khóa cho T. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi T và H đi đến địa phận thôn Q, xã T2, huyện Lục Nam thì thấy có hội làng đang tổ chức đá bóng cạnh nhà văn hóa thôn Q, cả hai đi xe vào sân đá bóng xem. Khoảng 20 phút sau, H phát hiện thấy ở sân trước cửa nhà văn hóa thôn Q có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE màu xanh, biển số 98E1-345.27. Quan sát thấy không có người trông coi, H bảo T ra lấy chiếc xe trên còn H canh giới. T dùng vạm phá khóa cho vào ổ

khóa điện vặn thì mở được khóa, T nổ máy đi xe ra ngoài đường còn H đi xe mô tô biển số 14Z1 -326.32 đi đằng sau. Trên đường đi T bảo H mang xe về thành phố Ông Bí bán.

Trước đó, do T biết anh Đặng Văn Diễm, S năm 1983, trú tại thôn P2 2, xã Y, thành phố Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh biết nhiều người có nhu cầu mua xe máy cũ nên khi đi đến dốc thuộc xã Y, thành phố Ông Bí thì cả hai đỗ xe lại. Tại đây, T gọi điện cho anh Diễm nói là có xe WAVE, hỏi xem có ai mua không và hẹn địa điểm xem xe ở dốc Quảng Hải, xã Y, thành phố Ông Bí. Anh Diễm gọi điện cho anh Đặng Văn Nguyên, S năm 1979, trú tại thôn P2 2, xã Y, thành phố Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh bảo có mua xe cũ thì ra xem xe tại địa điểm mà T đã hẹn, anh P1 đồng ý. Anh Diễm chở anh P1 ra điểm hẹn rồi anh Diễm về trước. Anh P1 trực tiếp giao dịch mua bán xe với H, anh P1 thỏa thuận mua chiếc xe trên với giá 6.700.000đ, anh P1 đưa tiền cho H rồi đi xe vừa mua được đi về. Số tiền bán xe có được, H và T đi thành phố Ông Bí cùng nhau ăn tiêu. Còn 6.000.000đ, H và T chia nhau mỗi người 3.000.000đ rồi hẹn hôm sau đi trộm cắp xe máy tiếp.

Chiếc xe mô tô biển số 98E1-345.27 mà H và T trộm cắp là của bà Nguyễn Thị C, S năm 1963, trú tại thôn Q, xã T2, huyện Lục Nam đi xem hội đê ở đó. Ngày 26/2/2019, anh Đặng Văn P1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α màu xanh, biển số 98E1-345.27 cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam để giải quyết vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 28/2/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: Chiếc xe mô tô HONDA, loại xe WAVE α màu xanh tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 11.040.000đ

Ngày 20/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , biển số 98E1-345.27 cho bà Nguyễn Thị C. Ngày 22/3/2019, bà C đã nhận lại chiếc xe trên và không có yêu cầu gì thêm

Anh Đặng Văn P1 không yêu cầu Nguyễn Văn T và D2 Văn H phải bồi thường cho anh số tiền 6.700.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 15/2/2019, Nguyễn Văn T gọi điện cho H bảo đi ra đầu đường thôn X X2 rồi T đi xe mô tô biển số 14Z1 -326.32 ra chỗ hẹn đón H đi sang địa phận huyện Lục Nam trộm cắp tài sản. Ban đầu T chở H, trên đường đi H đòi lái và đưa vạm phá khóa cho T. Khi đi đến chợ Sàn thuộc xã Phương S1, huyện Lục Nam, H và T đi vào chợ Sàn ăn sáng. Ăn sáng xong, H nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu xanh, biển số 98B2-061.64, số khung: 339025, số máy: 5339183 để trước một gian hàng cửa đang khóa ở gần đó. Quan sát xung quanh không có người trông coi, H bảo T trộm cắp chiếc xe trên, còn H ngồi trên xe của T để cảnh giới. Lúc này, T nhìn thấy có người phụ nữ ở quầy hàng gần đấy nhìn mình nên đã bảo H dong chiếc xe trên ra một đoạn để T phá khóa. H dắt chiếc xe ra khỏi vị trí ban đầu khoảng 5m, T đi ra vị trí chiếc xe dùng vạm phá khóa cho vào ổ khóa điện rồi vặn thì mở được khóa. T nổ máy chiếc xe vừa trộm cắp được rồi điều khiển đi trước, còn H đi chiếc xe biển số 14Z1 -326.32 theo sau cùng về thị xã Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Trên đường đi, T gọi điện cho anh Đặng Văn Diễm hỏi có người mua xe thì ra điểm hẹn để xem, sau đó T cho H số điện thoại

của anh Điền đề H và anh Điền liên lạc với nhau giao dịch mua bán xe. Anh Điền gọi điện báo cho anh Triệu Văn Chín, S năm 1983, trú tại thôn P2 1, xã Y, thành phố Uông Bí báo anh Chín có mua xe thì ra điểm hẹn xem, đồng thời anh Điền cho anh Chín số điện thoại của H để liên lạc. Anh Chín liên lạc với H và hẹn địa điểm gần UBND xã Y để xem xe. Một lúc sau anh Chín đi bộ ra xem rồi thỏa thuận mua chiếc xe trên với giá 6.000.000đ, anh Chín đưa tiền cho H rồi đi xe vừa mua được ra về. Có tiền bán xe, H và T sử dụng để ăn tiêu ở thành phố Uông Bí, số tiền còn lại chia nhau mỗi người được hơn 2.000.000 đồng.

Chiếc xe mô tô biển số 98B2-061.64 mà H và T trộm cắp là của chị Ninh Thị T3, S năm 1993, trú tại thôn M2, xã Đ3, huyện Lục Nam. Ngày 26/2/2019, chị Ninh Thị T3 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Nam.

Sau khi mua được xe mô tô của H, anh Chín đã dùng để đi rừng lấy măng, quá trình sử dụng bị tháo mất biển số. Ngày 17/3/2019, anh Triệu Văn Chín đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu xanh, không có biển số, số khung 339025, số máy 5339183 cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam để giải quyết vụ án

Tại Kết luận định giá tài sản 28/2/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: chiếc xe mô tô HONDA, loại xe WAVE α màu xanh biển số 98B2-061.64 tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 9.200.000đ.

Ngày 20/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu xanh, không còn biển số, số khung: 339025, số máy: 5339183 cho chị Ninh Thị T3. Ngày 21/3/2019, chị T3 đã nhận lại chiếc xe trên. Đối với chiếc biển số xe bị mất chị không có yêu cầu bồi thường.

Anh Triệu Văn Chín không yêu cầu Nguyễn Văn T và D2 Văn H phải bồi thường cho anh số tiền 6.000.000đ.

Vụ thứ ba: Vẫn theo thỏa thuận từ trước, sáng ngày 16/2/2019, Nguyễn Văn T lại gọi điện H ra điểm hẹn đầu đường thôn X Đông rồi đi xe mô tô biển số 14Z1 -326.32 ra đón H. Sau đó H bảo T chờ đi địa bàn huyện Lục Nam, trên đường đi H đổi lái và đưa vạm phá khóa cho T. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đến địa phận thôn Mã Tây, xã P, huyện Lục Nam, H và T phát hiện có một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu S1 trắng, biển số 98B2-458.60 số khung RLHHC1215DY743086, số máy: HC 12E5743129 để ở rìa đường thôn Mã Tây, gần Bưu cục M4 không có người trông coi. T đi đến vị trí chiếc xe biển số 98B2-458.60 dùng vạm phá khóa cho vào ổ khóa điện rồi vặn thì mở được ổ khóa xe. H đứng ở xe của T cách vị trí chiếc xe T trộm cắp khoảng 20m để canh giới. Phá được ổ khóa điện của xe, T đề nổ máy rồi điều khiển xe đi trước, H đi xe mô tô biển số 14Z1 -326.32 đi sau về thành phố Uông Bí. Trên đường về về thành phố Uông Bí, H và T dừng lại mở cốp xe biển số 98B2-458.60 ra kiểm tra thì thấy bên trong có giấy đăng ký xe và chứng M nhân dân. H cầm hai giấy tờ trên để vào túi quần đang mặc. Sau đó T gọi điện cho bà Đặng Thị Tâm, S năm 1964, trú tại thôn Quan Điền Khe Thần, xã Y, thành phố Uông Bí là họ hàng với T và nói xem có ai mua xe cũ thì giới thiệu. Do bà Tâm biết chị Đặng Thị S4, S năm 1974, trú tại thôn 4, xã L5,

huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh không có phương tiện đi lại nên bà Tâm đã gọi điện cho chị S4 bảo có mua xe thì đến thôn Vàng Danh, gần công ty Than Uyên Bí có người bán xe ở đó. Chị S4 đi đến điểm hẹn và giao dịch mua bán xe với H. Sau khi xem xe, chị S4 đồng ý mua chiếc xe biển số 98B2-458.60 với giá 7.000.000đ và đưa tiền cho H. Có tiền bán xe, H và T lại cùng nhau đi ăn uống. Số tiền còn lại H, T chia nhau mỗi người được 3.000.000đ.

Chiếc xe mô tô biển số 98B2-458.60 mà H và T trộm cắp là của ông Nguyễn Đình Thành, S năm 1961, trú tại thôn D, xã P để ở đó rồi đi làm ruộng. Sau khi phát hiện bị mất cắp, ngày 26/2/2019 ông Nguyễn Đình Thành đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Nam.

Sau khi mua được chiếc xe mô tô biển số 98B2-458.60, chị S4 sử dụng vào việc đi rừng và bị mất biển số từ lúc nào không biết. Ngày 07/3/2019, chị Đặng Thị S4 đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVV α, màu S1 trắng, không có biển số, số khung RLHHC1215DY743086, số máy: HC 12E5743129 để giải quyết vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản 28/2/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: chiếc xe mô tô HONDA, loại xe WAVE α, màu trắng tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 11.040.000đ.

Đối với giấy đăng ký xe và chứng M nhân dân H lấy được trong cốp xe biển số 98B2-458.60, H khai sau đó bị rơi ở đâu H không biết nên không thu giữ được. Tại phiếu trả lời xác M phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 08/3/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bắc Giang trả lời: chiếc xe xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVV α, màu S1 trắng, số khung: RLHHC1215DY743086, số máy: HC 12E5743129 có biển số là 98B2-458.60 của anh Nguyễn Đình Tuyên, ở thôn D, xã P, huyện Lục Nam (anh Tuyên là con trai ông Thành).

Ngày 20/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α, màu trắng, biển số 98B2-458.60 cho ông Nguyễn Đình Thành. Ngày 26/3/2019, ông Thành đã nhận lại chiếc xe trên. Đối với 01 biển số xe, 01 giấy đăng ký xe biển số 98B2-458.60 và 01 chứng M nhân dân của ông Thành, ông Thành không đề nghị các đối tượng phải bồi thường.

Chị Đặng Thị S4 không yêu cầu Nguyễn Văn T và D2 Văn H phải bồi thường số tiền 7.000.000đ đã mua xe (B1 259-260).

Vụ thứ tư: Sáng ngày 20/2/2019, T lại gọi điện cho H hẹn ra đầu đường thôn X Đông rồi T đi chiếc xe biển số 14Z1 -326.32 ra đón H. H mang theo vạm phá khóa từ nhà ra, sau đó T chở H đến địa phận huyện Lục Nam để trộm cắp tài sản. Trên đường đi, H đổi lái và đưa vạm phá khóa cho T. Khi đi đến đường thôn L3, xã P thì H phát hiện thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α màu trắng, biển số 98B2-883.69 dựng ở bãi đất trống cạnh rìa đường. Quan sát thấy không có người trông coi, H bảo T ra phá khóa trộm cắp xe, còn H ngồi trên xe mô tô biển số 14Z1 -326.32 để cảnh giới. T đi ra vị trí chiếc xe mô tô biển số 98B2-883.69, dùng vạm phá khóa cho vào ổ khóa điện rồi vặn thì mở được khóa. Sau đó T nổ máy điều khiển xe vừa trộm

cắp được, H điều khiển xe mô tô biển số 14Z1 -326.32 cùng nhau đi về thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Trên đường đi T gọi điện cho anh Điền bảo hỏi xem có ai mua xe cũ không, anh Điền đồng ý rồi gọi điện cho H hẹn địa điểm xem xe. Do biết chị họ mình là Lý Thị H2, S năm 1969, trú tại thôn P2 2, xã Y, thành phố Uông Bí đang có nhu cầu mua xe đi lại nên anh Điền gọi điện cho chị H2 bảo có mua xe thì đi xem. Sau đó anh Điền chở chị H2 ra điểm hẹn ở đường ra Ủy ban nhân dân xã Y thì gặp H và T. Tại đây, chị H2 trực tiếp thỏa thuận việc mua bán xe với H và đồng ý mua chiếc xe trên với giá 6.700.000đ. Thỏa thuận xong, chị H2 đưa tiền cho H rồi đi xe về. Tiền bán xe có được H, T lại đi ăn uống, số tiền còn lại chia nhau mỗi người 3.000.000đ.

Chiếc xe mô tô biển số 98B2-883.69 mà H và T trộm cắp là của anh Nguyễn Đình S1, S năm 1970, trú tại thôn L3, xã P để ở đó rồi xuống ruộng làm. Sau khi phát hiện bị mất cắp, ngày 26/2/2019 anh Nguyễn Đình S1 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Nam.

Ngày 07/3/2019, chị Lý Thị H2 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α màu trắng, biển số 98B2-883.69 để giải quyết vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản 28/2/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: chiếc xe mô tô HONDA, loại xe WAVE α , màu trắng biển số 98B2-883.69 tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 14.720.000đ.

Ngày 20/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu trắng, biển số 98B2-883.69 cho anh Nguyễn Đình S1. Ngày 25/3/2019, anh S1 đã nhận lại chiếc xe trên và không có đề nghị gì khác.

Ngày 25/2/2019, D2 Văn H đến Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Lục Nam đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân. Hồi 10 giờ 30 phút ngày 25/2/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T ở thôn V, xã Đ, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh, kết quả không phát hiện và thu giữ gì. Hồi 13 giờ ngày 25/2/2019, Cơ quan điều tra tiếp tục khám xét tại nhà ở của D2 Văn H ở thôn X X2, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh: kết quả thu giữ tại tH cát tông ở bếp có 03 gương chiếu hậu xe máy; thu giữ tại bờ rào sát tường gần đường đi có 01 biển số 14B1-190.42; 01 kim thủy lực bằng kim loại. D2 Văn H khai 03 gương chiếu hậu xe máy là gương ở các xe máy cũ của gia đình H, còn 01 kim thủy lực và 01 biển số xe H không biết ai vứt ở đó, vì nhà H cạnh đường đi.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 14Z1- 326.32 mà T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là của chị Trương Thị Hậu, S năm 1990, trú tại thôn V, xã Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh là vợ của T. Tuy nhiên trong khoảng thời gian tháng 2/2019, chị Hậu và T đang sống ly thân, chị Hậu đi làm công ty nên để chiếc xe mô tô trên ở nhà, T tự ý lấy đi trộm cắp tài sản chị Hậu không biết. Ngày 24/2/2019, T đi trộm cắp tài sản có gửi lại chiếc xe trên ở nhà D2 Văn H. Ngày 25/2/2019, H đi chiếc xe này đến nhà anh Nguyễn Tiến Dũng, S năm 1986, trú tại thôn V, xã Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh nói gửi chiếc xe này cho Nguyễn Văn T. Buổi chiều ngày 25/2/2019, anh Dũng đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều

tra- Công an huyện Lục Nam. Ngày 20/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 14Z1- 326.32 cho chị Hậu. Ngày 02/4/2019, chị Hậu đã nhận lại chiếc xe trên và không có đề nghị gì khác.

Đối với hành vi của anh Đặng Văn Điền, bà Đặng Thị Tâm, chị Đặng Thị S4, anh Đặng Văn Nguyên, anh Triệu Văn Chín, chị Lý Thị H2 khi thực hiện việc giới thiệu và mua bán các xe máy mà H, T trộm cắp được, nhưng đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam không đề cập xử lý những người này.

Số tiền bán xe có được từ các vụ trộm cắp, H khai đã chi tiêu cá nhân hết, còn T khai dùng số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản để chi tiêu cá nhân và mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng gold, còn lại 5.373.000đ T bị cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bị cơ quan điều tra thu giữ là do T mua cách đây mấy năm từ số tiền do làm ăn của T có được.

Vật chứng chuyển xử lý theo vụ án gồm: 01 vạm phá khóa có đặc điểm gồm: 01 tay công bằng kim loại dài 15,7cm, màu trắng đen, phần tay cầm bọc cao su màu đỏ đen, phía cuối có lỗ hình tròn, phần đầu tay công hình tròn bẹt, một mặt có chốt 4 cạnh thò ra dài 0,7cm, mặt bên có chốt di động gạt sang hai bên, 01 ống lõi bằng kim loại màu trắng, đường kính 1,2cm, được quấn bằng băng dính màu xám, một đầu bên trong có hình vuông, một đầu hình lục giác; 01 đầu vạm bằng kim loại màu xám - trắng dài 6cm, một đầu hình lục giác, phần lưỡi dài 2,8cm được mài dẹt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại máy đen trắng, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng gold; số tiền 5.373.000đ; 03 gương chiếu hậu xe máy; 01 biển số 14B1-190.42; 01 kim thủy lực bằng kim loại.

Tại bản cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 21/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173; D2 Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam trình bày lời luận tội, phân tích hành vi của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ P1 quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điều luật và xử phạt đối với bị cáo như sau:

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, được trừ số ngày tạm giữ, tạm giam (từ 24/2/2019 đến 05/3/2019).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt D2 Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (từ 25/2/2019).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa có đặc điểm gồm: 01 tay công bằng kim loại dài 15,7cm, màu trắng đen, phần tay cầm bọc cao su màu đỏ đen, phía cuối có lỗ hình tròn, phấu đầu tay công hình tròn bẹt, một mặt có chốt 4 cạnh thò ra dài 0,7cm, mặt bên có chốt di động gạt sang hai bên, 01 ống lõi bằng kim loại màu trắng, đường kính 1,2cm, được quấn bằng băng dính màu xám, một đầu bên trong có hình vuông, một đầu hình lục giác; 01 đầu vạm bằng kim loại màu xám - trắng dài 6cm, một đầu hình lục giác, phần lưỡi dài 2,8cm được mài dẹt; 01 biển số 14B1-190.42; 01 kim thủy lực bằng kim loại.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng gold; số tiền 5.373.000đ; 03 gương chiếu hậu xe máy;

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại máy đen trắng, vỏ màu đen;

Về án phí: Miễn án phí HSST cho bị cáo T, bị cáo H phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T, D2 Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14/2/2019 đến ngày 24/2/2019, Nguyễn Văn T đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, trong đó có 04 vụ trộm cắp cùng với D2 Văn H, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 14/2/2019, tại sân trước cửa nhà văn hóa thôn Q, xã T2, huyện Lục Nam, H và T lợi dụng sơ hở đã dùng vạm phá khóa điện trộm cắp của bà Nguyễn Thị C chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE màu xanh, biển số 98E1-345.27 có trị giá **11.040.000đ**.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 15/2/2019, tại chợ Sàn thuộc xã Phương S1, huyện Lục Nam, H và T đã dùng vạm phá khóa trộm cắp của chị Ninh Thị T3 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu xanh, biển số 98B2-061.64 trị giá **9.200.000đ**

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 16/2/2019, tại đường thôn Mã Tầy, xã P, huyện Lục Nam, H và T đã dùng vạm phá khóa trộm cắp của ông Nguyễn Đình Thành chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu S1 trắng, biển số 98B2-458.60 trị giá **11.040.000đ**.

Vụ thứ tư: Khoảng 09 giờ ngày 20/2/2019, tại bãi đất trống cạnh rìa đường thôn L3, xã P, huyện Lục Nam, H và T đã dùng vạm phá khóa trộm cắp của anh Nguyễn Đình S1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α màu trắng, biển số 98B2-883.69 trị giá **14.720.000đ**. Sau khi trộm cắp được 04 chiếc xe trên, T và H cùng nhau mang bán lấy tiền ăn tiêu và chia nhau.

Ngày 24/2/2019, Nguyễn Văn T mượn vạm phá khóa của D2 Văn H để đi trộm cắp tài sản (xe mô tô). Khoảng 10 giờ cùng ngày, tại cửa nhà bà Đặng Thị Lý ở thôn Quỳnh Cả, xã P, T dùng vạm phá khóa để trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE α , màu trắng, biển số 98E1-298.09 của anh Nguyễn Hữu Đ thì bị anh Đ cùng quần chúng nhân dân bắt quả tang. Chiếc xe biển số 98E1-298.09 của anh Đ có trị giá **11.040.000đ**.

Ngày 25/2/2019, D2 Văn H đến Công an huyện Lục Nam đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân. Tổng số tiền H trộm cắp được xác định là 46.000.000đ, tổng số tiền T trộm cắp được xác định là 57.040.000đ.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T, D2 Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ Luật hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo liên tục trong một thời gian ngắn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H đã bị kết án, chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối C nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo D2 Văn H đã Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt; bị cáo H có nhân thân xấu.

[5]. Về vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ. Trong vụ án, bị cáo D2 Văn H là người chuẩn bị công cụ phạm tội, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi trộm cắp được tài sản, T là người tìm người mua tài sản, H là người trực tiếp giao dịch bán tài sản trộm cắp được. Số tiền trộm cắp được các bị cáo chia đều và cùng nhau chi tiêu cá nhân hết nên các bị cáo giữ vai trò ngang nhau.

[6]. Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện C tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu gì nên không đặt ra xem xét.

[9]. Đối với hành vi của anh Đặng Văn Điền, bà Đặng Thị Tâm, chị Đặng Thị S4, anh Đặng Văn Nguyên, anh Triệu Văn Chín, chị Lý Thị H2 khi thực hiện việc giới thiệu và mua bán các xe máy mà H, T trộm cắp được, nhưng đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Lục Nam không đề cập xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Về vật chứng: 01 vạm phá khóa có đặc điểm gồm: 01 tay công bằng kim loại dài 15,7cm, màu trắng đen, phần tay cầm bọc cao su màu đỏ đen, phía cuối có lỗ hình tròn, phần đầu tay công hình tròn bẹt, một mặt có chốt 4 cạnh thò ra dài 0,7cm, mặt bên có chốt di động gạt sang hai bên, 01 ống lõi bằng kim loại màu trắng, đường kính 1,2cm, được quấn bằng băng dính màu xám, một đầu bên trong có hình vuông, một đầu hình lục giác; 01 đầu vạm bằng kim loại màu xám - trắng dài 6cm, một đầu hình lục giác, phần lưỡi dài 2,8cm được mài dẹt; 01 biển số 14B1-190.42; 01 kim thủy lực bằng kim loại; 03 gương chiếu hậu xe máy là những công cụ dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng gold; số tiền 5.373.000đ là những tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại máy đen trắng, vỏ màu đen của bị cáo T là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nhưng tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo T thuộc diện cận nghèo nên miễn án phí cho bị cáo.

[12]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, D2 Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ số ngày bị tạm giữ từ 24/2/2019 đến 05/3/2019.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: D2 Văn H 2 (hai) năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ 25/2/2019.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa có đặc điểm gồm: 01 tay công bằng kim loại dài 15,7cm, màu trắng đen, phần tay cầm bọc cao su màu đỏ đen, phía cuối có lỗ hình tròn, phần đầu tay công hình tròn bẹt, một mặt có chốt 4 cạnh thò ra dài 0,7cm, mặt bên có chốt di động gạt sang hai bên, 01 ống lõi bằng kim loại màu trắng, đường kính 1,2cm, được quấn bằng băng dính màu xám, một đầu bên trong có hình vuông, một đầu hình lục giác; 01 đầu vạm bằng kim loại màu xám - trắng dài 6cm, một đầu hình lục giác, phần lưỡi dài 2,8cm được mài dẹt; 01 biển số 14B1-190.42; 01 kim thủy lực bằng kim loại; 03 gương chiếu hậu xe máy

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng gold; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại máy đen trắng, vỏ màu đen; số tiền 5.373.000đ (Năm triệu, ba trăm, bảy mươi ba nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo D2 Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cho các bị cáo có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Bị cáo;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Người TGGT vắng mặt;

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án, v/p.

Nguyễn Văn Huân